

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Hệ thống tín chỉ)

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **Hệ thống thông tin quản lý**
(Chương trình Tài năng)

Mã ngành: **52.34.04.05**

Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

TP. HCM, năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC.....	1
1. Mục tiêu đào tạo.....	1
1.1 Mục tiêu chung	1
1.2 Mục tiêu cụ thể.....	1
1.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)	2
1.4 Ma trận chuẩn đầu ra – Môn học	7
2. Thời gian đào tạo	8
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:.....	8
4. Đối tượng tuyển sinh.....	8
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	8
5.1 Quy trình đào tạo.....	8
5.2 Điều kiện tốt nghiệp.....	8
6. Thang điểm.....	8
7. Chương trình đào tạo.....	9
7.1 Tỷ lệ các khối kiến thức.....	9
7.2 Cơ cấu các khối kiến thức	9
7.3 Nội dung chi tiết chương trình đào tạo.....	10
7.4 Danh mục các môn học tài năng.....	15
8. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy	16
9. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp.....	29
10. Tóm tắt đề cương môn học	31
11. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình	47
11.1 Danh sách giảng viên cơ hữu.....	47
11.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng	55
12. Danh sách cố vấn học tập.....	56
13. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:	56
13.1 Phòng học	56
13.2 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính/thực hành	56
13.3 Hội trường	57
13.4 Thư viện	57

<i>13.5</i>	<i>Giáo trình, tập bài giảng của ngành đào tạo</i>	<i>57</i>
14.	Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	61
15.	Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo:	61
	PHỤ LỤC I ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC.....	62
	PHỤ LỤC II LÝ LỊCH KHOA HỌC.....	

BẢNG TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ nguyên
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CNTN	Cử nhân tài năng
CT	Chương trình
CTĐT	Chương trình đào tạo
GDQP	giáo dục quốc phòng
HTTT	Hệ thống thông tin
HTTTQL	Hệ thống thông tin quản lý
TC	Tín chỉ
TMĐT	Thương mại điện tử

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên chương trình: **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG)**

- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Mã ngành đào tạo: **52.34.04.05**
- Trưởng Bộ môn: **TS. Hồ Trung Thành**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có khả năng *phân tích, tư vấn, thiết kế, phát triển và triển khai* các giải pháp hệ thống thông tin để giải quyết các vấn đề kinh doanh, quản lý, và đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lực chất lượng cao trong thời đại công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu I: Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý **có đầy đủ kiến thức** chuyên môn cần thiết về công nghệ thông tin *ứng dụng* trong kinh doanh; **nắm vững** các quy trình kinh doanh và quản trị doanh nghiệp;

Mục tiêu II: Đào tạo những chuyên gia **hiểu rõ** sự phối hợp giữa các yếu tố **công nghệ, quản trị và con người** trong một hệ thống thông tin quản lý, **vận dụng** các hệ thống thông tin quản lý trong việc giải quyết các vấn đề quản trị của tổ chức;

Mục tiêu III: Đào tạo đội ngũ những chuyên gia Hệ thống thông tin quản lý có khả năng **phân tích, thiết kế, phát triển, triển khai** và **vận hành** các dự án Hệ thống thông tin ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế, quản lý;

Mục tiêu IV: Đào tạo những chuyên gia Hệ thống thông tin quản lý có khả năng **đánh giá, lựa chọn, đề xuất** và **tư vấn** các giải pháp dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại để giải quyết các vấn đề quản trị cụ thể trong quản lý và điều hành tổ chức, doanh nghiệp; Có khả năng và tầm nhìn trong việc ứng dụng các công nghệ quản lý hiện đại để tăng cường hiệu quả quản trị dẫn đến tăng cường sức mạnh cạnh tranh cho doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế;

Mục tiêu V: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

1.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

Chuẩn đầu ra chương trình	
1. CÁC KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	
1.1 KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH HTTTQL	
1.1.1	Toán học
1.1.2	Tin học
1.1.3	Kinh tế
1.1.4	Quản lý
1.1.5	Pháp luật
1.1.6	Kiến thức về chính trị, xã hội, tâm lý
1.2 KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH HTTTQL	
1.2.1	Các mô hình tổ chức, lưu trữ, xử lý và khai thác dữ liệu
1.2.2	Hạ tầng công nghệ thông tin
1.2.3	Kỹ thuật lập trình
1.2.4	Các phương pháp Phân tích và Thiết kế hệ thống, ngôn ngữ mô hình hóa

1.2.5	Kế toán quản trị
1.2.6	Hệ thống thông tin quản lý
1.2.7	Thương mại điện tử
1.3 KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HTTTQL	
1.3.1	Phát triển ứng dụng kinh doanh và quản lý
1.3.2	Các Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
1.3.3	Các quy trình kinh doanh và quản lý
1.3.4	Các mô hình tích hợp giữa các quy trình kinh doanh với hệ thống thông tin
1.3.5	Các mô hình hỗ trợ ra quyết định dựa trên phân tích dữ liệu
1.3.6	An ninh hệ thống thông tin
1.3.7	Chiến lược phát triển HTTT
2. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	
2.1 CÓ KHẢ NĂNG LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ QUẢN TRỊ BẰNG CÁC GIẢI PHÁP HTTTQL	
2.1.1	Xác định và phát biểu vấn đề
2.1.2	Mô hình hoá vấn đề và giải pháp
2.1.3	Ước lượng và phân tích định tính
2.1.4	Khả năng phân tích với các yếu tố bất định
2.1.5	Hình thành giải pháp và các đề xuất
2.2 CÓ KHẢ NĂNG THỬ NGHIỆM, NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC	
2.2.1	Xây dựng giả thuyết
2.2.2	Sử dụng các kỹ thuật khảo sát
2.2.3	Điều tra thực nghiệm

2.2.4	Kiểm định giả thuyết và bảo vệ giả thuyết
2.3 KHẢ NĂNG TƯ DUY TẦM HỆ THỐNG	
2.3.1	Khả năng tư duy tổng thể hệ thống
2.3.2	Xác định các thành tố và tương tác giữa các thành tố trong hệ thống
2.3.3	Xác định mức độ ưu tiên, cấp phát nguồn lực, điều chỉnh và giải quyết tranh chấp giữa các thành tố
2.4 CÓ NHẬN THỨC VỀ TƯ TƯỞNG, THÁI ĐỘ VÀ TINH THẦN HỌC TẬP	
2.4.1	Sáng kiến và sẵn sàng quyết định chấp nhận rủi ro
2.4.2	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt
2.4.3	Tư duy sáng tạo
2.4.4	Tư duy suy xét
2.4.5	Sự tự nhận thức, nhận thức về kiến thức và tích hợp kiến thức
2.4.6	Học tập và rèn luyện suốt đời
2.4.7	Quản lí thời gian và nguồn lực
2.5 ĐẠO ĐỨC, CÔNG BẰNG VÀ CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC	
2.5.1	Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và trách nhiệm xã hội
2.5.2	Hành xử chuyên nghiệp
2.5.3	Có tầm nhìn và định hướng trong cuộc sống
2.5.4	Cập nhật kiến thức và thông tin trong lĩnh vực kinh doanh và Hệ thống thông tin quản lý
2.5.5	Chấp nhận sự khác biệt và công bằng
2.5.6	Tin cậy và gắn bó với tổ chức
3 LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	
3.1 LÀM VIỆC NHÓM	

3.1.1	Hình thành nhóm hiệu quả
3.1.2	Hoạt động nhóm
3.1.3	Phát triển nhóm
3.1.4	Lãnh đạo nhóm
3.1.5	Làm việc với các loại nhóm khác nhau
3.2 GIAO TIẾP	
3.2.1	Lựa chọn chiến lược giao tiếp
3.2.2	Lựa chọn cách thức giao tiếp phù hợp
3.2.3	Giao tiếp bằng văn bản
3.2.4	Giao tiếp thông qua các phương tiện điện tử và đa truyền thông
3.2.5	Giao tiếp bằng đồ họa
3.2.6	Thuyết trình
3.2.7	Hỏi, nghe và đối thoại
3.2.8	Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột
3.3 GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ	
3.3.1	Giao tiếp bằng tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng: Nghe, đọc 550; Nói viết 221 hoặc các chứng chỉ khác tương đương)
4. NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI HTTTQL TRONG DOANH NGHIỆP	
4.1 XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC BỐI CẢNH BÊN NGOÀI HỆ THỐNG	
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm cử nhân ngành HTTT
4.1.2	Tác động của lĩnh vực HTTTQL đối với xã hội và môi trường
4.1.3	Các quy tắc xã hội của lĩnh vực HTTTQL
4.1.4	Các bối cảnh lịch sử và văn hóa

4.1.5	Phát triển một quan điểm toàn cầu
4.2 BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ LĨNH VỰC KINH DOANH	
4.2.1	Các hình thái văn hóa doanh nghiệp
4.2.2	Tầm nhìn, chiến lược và mục tiêu của doanh nghiệp
4.2.3	Nhận diện cơ hội kinh doanh thông qua triển khai và vận hành các HTTTQL
4.2.4	Các mô hình cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp
4.2.5	Các mô hình cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp có quy mô toàn cầu
4.2.6	Phát triển các công nghệ mới
4.2.7	Vấn đề quản trị và kiểm soát tài chính
4.3 HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG GIẢI PHÁP HTTTQL VÀ MÔ HÌNH HÓA HỆ THỐNG	
4.3.1	Khảo sát hiện trạng
4.3.2	Xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu
4.3.3	Phân tích các yêu cầu chức năng, định nghĩa các khái niệm và kiến trúc
4.3.4	Mô hình hoá hệ thống và các giao tiếp
4.3.5	Xác định các vấn đề liên quan đến phát triển và quản trị dự án trong tương lai
4.4 THIẾT KẾ	
4.4.1	Khả năng vận dụng các quy trình khoa học và công cụ trong thiết kế
4.4.2	Khả năng vận dụng các kiến kỹ thuật, khoa học và nghiệp vụ trong thiết kế
4.4.3	Thiết kế các quy trình nghiệp vụ tương lai
4.4.4	Thiết kế hạ tầng công nghệ thông tin
4.4.5	Thiết kế cơ sở dữ liệu
4.4.6	Thiết kế các quy trình xử lý, các giao tiếp và các quy tắc xử lý

4.4.7	Thiết kế các quy tắc quản trị chất lượng, cài đặt, giám sát và kiểm thử, an toàn hệ thống, bảo mật hệ thống, phát triển hệ thống
4.5 XÂY DỰNG	
4.5.1	Lập kế hoạch xây dựng hệ thống
4.5.2	Quản lý quá trình xây dựng hệ thống
4.5.3	Sử dụng các ngôn ngữ lập trình, các công cụ phát triển và quản trị dự án
4.5.4	Xây dựng và tích hợp các thành phần phần cứng và phần mềm
4.5.5	Giám sát, kiểm thử, xác nhận và chứng nhận hệ thống
4.6 TRIỂN KHAI	
4.6.1	Lập kế hoạch triển khai, xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả triển khai.
4.6.2	Xây dựng tài liệu và quy trình huấn luyện
4.6.3	Quản lý vòng đời của hệ thống
4.6.4	Quản trị vận hành hệ thống
4.6.5	Phát triển và cải thiện hệ thống

Các chuẩn đầu ra bổ sung cho chương trình CNTT ngành Hệ thống thông tin quản lý như sau:

Chuẩn đầu ra tiếng Anh cao hơn so với sinh viên chính quy. Chuẩn đầu ra tiếng Anh của sinh viên CNTT là TOEIC 550 so với sinh viên thường là 500.

Kỹ năng trình bày và thuyết trình bằng tiếng Anh tốt. Số sinh viên CNTT viết luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh và trình bày báo cáo luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh: 100 %

Các kỹ năng mềm được nâng cao và được rèn luyện, trong đó chú trọng kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng nghiên cứu khoa học. 100% sinh viên CNTT phải tham gia nghiên cứu khoa học (tối thiểu phải có 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường).

1.4 Ma trận chuẩn đầu ra – Môn học

2. Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

130 tín chỉ không kể khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và ngoại ngữ.

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đã trúng tuyển đại học chính quy của trường
- Sinh viên chương trình tài năng có thể bắt đầu được tuyển chọn từ năm thứ nhất và hoặc năm thứ hai với chỉ tiêu xác định.
- Sinh viên phải có kết quả tuyển sinh cao và/hoặc điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL) lớn hơn hoặc bằng 7,5; Sinh viên phải tích lũy từ 90% số tín chỉ theo chương trình đào tạo của các học kỳ trước khi xét vào lớp kỹ sư tài năng.
- Sinh viên phải đang học cùng khóa, cùng ngành tương ứng với ngành muốn ứng tuyển vào chương trình tài năng.
- Ban điều hành đề án cấp Khoa chịu trách nhiệm thực hiện công tác sàng lọc và xét tuyển bổ sung. Quyết định chuyển đổi sinh viên giữa chương trình tài năng và chương trình đại trà do Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật ký và báo cáo về Ban chỉ đạo đề án cấp ĐHQG-TP.HCM.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

5.1 Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

5.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên sẽ được cấp bằng tốt nghiệp ghi rõ “Chương trình Đào tạo Tài năng” nếu thỏa đủ các điều kiện sau:

- Đang là sinh viên của chương trình tài năng
- Hoàn thành chương trình đào tạo tài năng (đạt số tín chỉ tích lũy ngành và số tín chỉ tài năng tích lũy) và thỏa các điều kiện tốt nghiệp khác theo quy định
- Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn theo kế hoạch giảng dạy
- Có tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học
- Có điểm Luận văn tốt nghiệp từ 7,5 trở lên; có điểm trung bình tích lũy ngành từ 7,5 trở lên và có điểm rèn luyện từ loại Tốt trở lên.
- Có trình độ Anh văn đạt chuẩn tiếng Anh tốt nghiệp chương trình tài năng được quy định trong Quy chế đào tạo và học vụ của trường.

Trường hợp sinh viên chương trình tài năng không thỏa đủ các điều kiện trên nhưng đủ điều kiện xét tốt nghiệp chương trình khác thì được xét cấp bằng tốt nghiệp chương trình khác. Đồng thời những môn học với chương trình tài năng sẽ được bảo lưu điểm và có ghi chú trên bảng điểm tốt nghiệp là môn học tài năng.

6. Thang điểm

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

7. Chương trình đào tạo: 130 Tín chỉ

7.1 Tỷ lệ các khối kiến thức:

Hệ đào tạo	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			TTCK, KLTN	Phân bổ theo bắt buộc và tự chọn			Ghi chú
				Toàn bộ	Cơ sở ngành	Chuyên ngành		Bắt buộc	Tự chọn		
									Yêu cầu trong CTĐT	Được liệt kê để lựa chọn	
Đại học chính quy	4	130	36	84	32	52	4+6	95	35	61	<i>Không kể phần kiến thức: ngoại ngữ (20TC), giáo dục thể chất (5 TC), giáo dục quốc phòng (165 tiết, tương đương 8TC)</i>
		Tỷ lệ (%)	27,7	64,6				7,7			

7.2 Cơ cấu các khối kiến thức:

Khối kiến thức chung toàn trường	Khối kiến thức cơ sở khối ngành	Khối kiến thức cơ sở nhóm ngành	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
36TC	20TC	12 TC	52 TC	10 TC
28%	15%	9%	40%	8%

7.3 Nội dung chi tiết chương trình đào tạo:

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	TÍN CHỈ				
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	NÂNG CAO	KHÁC
7.3.1 Khối kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương): 36 tín chỉ								
7.3.1.1 Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (10 TC)								
Các môn học bắt buộc (10 TC)				10	10			
1	GEN1001	Những nguyên lý của CN Mác – Lênin		5	5			
2	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	3			
3	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí		2	2			
7.3.1.2 Nhân văn – Kỹ năng: 5 tín chỉ								
Không có môn học bắt buộc								
1	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học		3	3		Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
Các môn học tự chọn (2TC)				2	2			
1	GEN1101	Tâm lý học		2	2			
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2			
3	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm		2	2			
7.3.1.3 Khoa học xã hội: 4 tín chỉ								
Không có môn học bắt buộc								
Các môn học tự chọn (4 TC)				4	4			

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC TIÊN QUYẾT	TÍN CHỈ				
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	NÂNG CAO	KHÁC
1	GEN1106	Xã hội học		2	2			
2	GEN1105	Văn hóa học		2	2			
3	GEN1103	Địa chính trị thế giới		2	2			
4	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2			
7.3.1.4 Khoa học kinh tế: 22 tín chỉ								
Các môn học bắt buộc (22 TC)				22	21	1		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1		3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1		3	3			
3	BUS1100	Quản trị học căn bản		3	3			
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán		3	3			
5	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính		3	3			
6	BUS1200	Marketing căn bản		3	3			
7	MIS1005	Hệ thống thông tin Kinh doanh		2	1	1		
8	COM1001	Kinh tế quốc tế		2	2			
7.3.1.5 Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ								
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1		5	4	1		
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2		5	4	1		
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3		5	4	1		

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	TÍN CHỈ				
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	NÂNG CAO	KHÁC
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4		5	4	1		
7.3.1.6 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 10 tín chỉ								
Các môn học bắt buộc (7 TC)				7	7			
1	MAT1001	Toán cao cấp		5	5			
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất		2	2			
Các môn học tự chọn (3 TC)				3	3			
1	MIS1004	Tin học ứng dụng		3	3			
2	GEN1107	Logic học		3	3			
7.3.1.7 Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ								
Các môn học bắt buộc (6 TC)				6	6			
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật		3	3			
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp		3	3			
7.3.1.8 Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ								
7.3.1.9 Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (tương ứng 8 tín chỉ)								
7.3.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 64 tín chỉ								
7.3.2.1 Kiến thức cơ sở nhóm ngành: 12 tín chỉ								
Các môn học bắt buộc (12TC)				12	9	3		
1	MIS1006	Kỹ thuật lập trình	MIS1003	3	2	1	Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
2	MIS1008	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	MIS1006	3	2	1	Môn tài năng	Bắt buộc SV TN

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	TÍN CHỈ				
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	NÂNG CAO	KHÁC
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu		3	2	1	Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
4	ACC1023	Kế toán tài chính	ACC1013	3	3			
7.3.2.2 Kiến thức ngành và chuyên ngành: 52 tín chỉ								
Các môn học bắt buộc (43TC)				40	26	14		
1	MIS1003	Tin học cơ sở		2	0	2		
2	MIS1001	Giới thiệu ngành (406)		2	2	0		
3	MIS1007	Toán cho tin học	MIS1006	3	2	1		
4	MIS1010	Mạng máy tính	MIS1003	3	2	1		
5	MIS1009	Hệ thống thông tin quản lý	MIS1001	3	3	0	Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
6	MIS1013	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	MIS1011	3	2	1		
7	MIS1012	Thiết kế và lập trình Web kinh doanh	MIS1003, MIS1006	3	2	1		
8	MIS1017	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý	MIS1011, MIS1009	3	2	1	Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
9	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP		3	2	1	Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
10	MIS1020	Khai phá dữ liệu và nhà kho dữ liệu	MIS1011	3	2	1	Môn tài năng	Bắt buộc SV TN

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	TÍN CHỈ				
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	NÂNG CAO	KHÁC
11	MIS1019	Quản lý dự án hệ thống thông tin	MIS1009	3	2	1		
12	MIS1028	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin quản lý		3	3	0	Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
13	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	MIS1011	3	2	1	Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
14	MIS1034	Thương mại điện tử		3	3	0		
15	GEN1109	Nghệ thuật lãnh đạo (Leadership)		3	3	0	Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
Các môn học tự chọn (9 TC)								
1	MIS1016	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP - P2	MIS1015	3	2	1		
2	MIS1022	Kế toán tin học	ACC1013	3	0	3		
3	MIS1025	Thiết kế và lập trình Web nâng cao	MIS1012	3	2	1		
4	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán		3	3	0		Chọn 1 trong 2 môn
5	MIS1024	Lập trình cơ sở dữ liệu	MIS1011, MIS1006	3	2	1		
6	MIS1023	Hệ thống thông tin kế toán	MIS1022	3	2	1	Môn tài năng	
7	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	MIS1011, MIS1012	3	2	1		

7.4 Danh mục các môn học tài năng:

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	PHẦN MỞ RỘNG			
			ĐỒ ÁN/ĐỀ TÀI (ĐÁNH DẤU X VÀO MỘT TRONG HAI HÌNH THỨC SAU)		LÝ THUYẾT BỔ SUNG	THÍ NGHIỆM/ THỰC HÀNH BỔ SUNG
			LỚP RIÊNG	KHÔNG CÓ LỚP RIÊNG		
1.	GEN1108	Phương pháp NCKH	X			
2.	GEN1109	Leader Ship	X			
3.	BC 01	Thực tập tốt nghiệp		X		
4.	KL 01	Khóa luận tốt nghiệp		X		
5	MIS1006	Kỹ thuật lập trình		X		
6	MIS1008	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		X		
7	MIS1011	Cơ sở dữ liệu		X		
8	MIS1009	Hệ thống thông tin quản lý		X		
9	MIS1017	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý		X		
10	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP		X		
11	MIS1020	Khai phá dữ liệu và nhà kho dữ liệu		X		
12	MIS1028	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin quản lý		X		
13	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh		X		
14	MIS1023	Hệ thống thông tin kế toán		X		

8. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy:

HỌC KỲ I – 22 TC (không bao gồm giáo dục thể chất)

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	20	18	2			
1	GEN1001	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	5				
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1	3	3				
3	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	3				
4	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	5				
5	MIS1001	Giới thiệu ngành (406)	2	2				
6	MIS1003	Tin học cơ sở	2	0	2			
		Môn học tự chọn	2	2				
7	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2	2				
8	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp						
			2 môn chọn 1					
9	GEN1004	Giáo dục thể chất 1	3	3				

HỌC KỲ II – 21 TC

Stt	Mã MH	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	17	16	1			
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3				
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3				
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3				
4	BUS 1100	Quản trị học căn bản	3	3				
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2				MAT1001
6	MIS1006	Kỹ thuật lập trình	3	2	1	Môn tài năng		
		Môn học tự chọn	4					
7	GEN1105	Văn hóa học	2 môn chọn 1	2	2			
8	GEN1106	Xã hội học		2	2			
9	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2 môn chọn 1	2	2			
10	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2			
11	GEN1005	Giáo dục thể chất 2	2	2				
12	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)	165t					

HỌC KỲ III (NĂM 2): 23 TC

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	12	20	1			
1	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3				
2	BUS 1200	Marketing căn bản	3	3				
3	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3				ECO1001 ECO1002
4	ACC1023	Kế toán tài chính	3	3				ACC1013
5	MIS1007	Toán cho tin học	3					MIS1006
6	MIS1008	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1	Môn tài năng		MIS1006
7	GEN1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3		Môn tài năng lớp riêng		
		Môn học tự chọn	2					
8	BUS 1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2	2				
9	MIS1004	Tin học ứng dụng	3	2	1			
10	GEN1107	Logic học	3	3				

HỌC KỲ IV: 15TC

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	15	13	2			
1	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				
2	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2				
3	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1			
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1	Môn tài năng		MIS1007
5	MIS1010	Mạng máy tính	3	3				MIS1003
6	MIS1009	Hệ thống thông tin quản lý	3	3		Môn tài năng		MIS1001

HỌC KỲ V: 18TC

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	15	10	5			
1	MIS1013	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	3	2	1		MIS1011	
2	MIS1012	Thiết kế & Lập trình Web Kinh doanh 1	3	2	1			MIS1003
3	MIS1017	Phân tích & thiết kế Hệ thống thông tin quản lý	3	2	1	Môn tài năng		MIS1009 MIS1011
4	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	3	2	1	Môn tài		

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
						năng		
5	MIS1020	Khai phá dữ liệu & Nhà kho dữ liệu	3	2	1	Môn tài năng	MIS1011	
6	GEN1109	Nghệ thuật lãnh đạo	3	3		Môn tài năng lớp riêng		

HỌC KỲ VI: 12TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	12	11	1			
1	MIS1019	Quản lý dự án Hệ thống thông tin	3	3			MIS1009	
2	MIS1029	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin quản lý	3	3		Môn tài năng		
3	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	2	1	Môn tài năng		MIS1011
		Môn học tự chọn chuyên sâu	3	2	1			
4	MIS1022	Kế toán tin học	3	2	1		ACC1013	
5	MIS1025	Thiết kế & Lập trình Web nâng cao	3	2	1		MIS1012	
6	MIS1016	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP - P2	3	2	1		MIS1015	

HỌC KỲ VII: 9TC

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	6	6				
1	MIS1034	Thương mại điện tử	3	3		Môn tài năng		
2	MIS1023	Hệ thống thông tin kế toán	3			Môn tài năng		MIS1022
		Môn học tự chọn chuyên sâu	3					
2	ACC1503	Lý thuyết Kiểm toán	3	3	0			
3	MIS1024	Lập trình Cơ sở dữ liệu	3	2	1		MIS1011, MIS1006	
4	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1		MIS1011, MIS1012	

HỌC KỲ VIII: 10TC

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
1		Thực tập tốt nghiệp	4		4	Môn tài năng		
2		Khóa luận tốt nghiệp	6		6	Môn tài năng		

KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

Lưu ý: Sinh viên phải hoàn thành 130 tín chỉ để được nhận bằng tốt nghiệp

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			

3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Ngân hàng (chọn 12 TC)

ST T	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

Chương trình giáo dục: Tài chính doanh nghiệp (chọn 12 TC)

ST T	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			

Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	MIS1017	Phân tích & Thiết kế Hệ thống thông tin quản lý	3	3		MIS1011	
2	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP	3	2	1	MIS1015	

3	MIS1016	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP – P2	3	2	1		
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
5	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	2	1		MIS1011

Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)
(sinh viên chọn 1 trong 3 nhóm)

Nhóm 1: E- marketing

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
1	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM)	3	3				
2	MIS1045	Phân tích dữ liệu WEB	3	2	1			
3	MIS1048	Thương mại trên mạng xã hội	3	2	1	Môn tài năng		
4	MIS1044	Thương mại di động	3	3		Môn tài năng		

Nhóm 2: Quản trị (Operations)

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS1301	Văn hoá doanh nghiệp	3	3				
2	BUS1116	Quản trị bán hàng						
3	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP	3	2	1			
4	MIS1044	Thương mại di động	3	3		Môn		

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
						tài năng		

Nhóm 3: Xây dựng giải pháp TMDT

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
1	MIS1025	Thiết kế & Lập trình Web nâng cao	3	2	1		MIS1012	
2	MIS1049	Phát triển ứng dụng di động	3			Môn tài năng		
3	MIS1044	Thương mại di động	3	3		Môn tài năng		
4	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	Môn tài năng		

Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3				
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS 1205	Quản trị marketing	3				

Chọn 3 trong 5 môn

4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3	Chọn 1 trong 2 môn		
5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3			
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3			
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3			

Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102

							LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

9. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp/học chuyên đề tốt nghiệp

9.1 Thực tập tốt nghiệp:

9.1.1 Chuẩn bị:

Đầu học kỳ VII, Khoa gặp gỡ sinh phổ biến về kế hoạch thực tập tốt nghiệp: Thời gian, yêu cầu doanh nghiệp thực tập, đề tài báo cáo, nội dung báo cáo,...; Định hướng cho sinh viên chọn đề tài báo cáo; Quy trình sinh viên liên hệ tìm doanh nghiệp thực tập (tự liên hệ và với sự hỗ trợ của Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp của Trường); Trả lời các câu hỏi của sinh viên;...

Khoa cung cấp giấy giới thiệu cho sinh viên và mọi hỗ trợ cần thiết để sinh viên liên

hệ doanh nghiệp thực tập.

Sau khi liên hệ được doanh nghiệp thực tập, sinh viên đăng ký sơ bộ đề tài báo cáo tốt nghiệp, với đề nghị giảng viên hướng dẫn nếu có thỏa thuận với giảng viên.

Khoa phân công giảng viên hướng dẫn cho từng sinh viên.

Cuối học kỳ VII, Sinh viên gặp gỡ giảng viên hướng dẫn, trao đổi cụ thể về kế hoạch thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo thực tập.

9.1.2 Thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp và viết báo cáo:

- Sinh viên sẽ xin triển khai đề tài khóa luận của mình tại doanh nghiệp và theo sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn
- Kết thúc thời gian thực tập (10 tuần), sinh viên nộp báo cáo và nhận xét đánh giá của doanh nghiệp thực tập.
- Sinh viên hoàn thành đề tài để chuẩn bị báo cáo khóa luận.

9.2 Làm khóa luận tốt nghiệp

- Khoa phân công giảng viên hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận.
- Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian từ khi sinh viên học chuyên đề đến khi kết thúc thực tập.
- Sinh viên viết đề cương chi tiết về khóa luận, nộp cho giảng viên hướng dẫn.
- Giảng viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa Đề cương chi tiết.
- Bộ môn góp ý về đề cương chi tiết của sinh viên.
- Sinh viên vừa thực tập tại doanh nghiệp (hoặc với giáo viên hướng dẫn) vừa triển khai để hoàn thành khóa luận.
- Giảng viên hướng dẫn viết nhận xét với điểm đánh giá.
- Khóa luận được phản biện và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng

❖ Thỏa thuận của các đơn vị, cơ sở bên ngoài về việc nhận sinh viên thực tập:

Trường đại học Kinh tế - Luật có ký thỏa thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử, bao gồm những doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên thực tập. Các doanh nghiệp, đơn vị mà Trường đại học Kinh tế - Luật đã ký thỏa thuận hợp tác là: Công ty Cổ phần VNG, Công ty CP Thế giới di động, Công ty Golden Digital, Ngân hàng TMCP Kỹ

Thương Việt Nam (Techcombank), Công ty CP Global Cybersoft, Công ty DCA Creative, Công ty TNHH Web7mau, Công ty CP Smartlink, Công ty Giải Pháp Điện tử E-Solution, CT TNHH Phần mềm E Việt (Viet Software),...

10. Tóm tắt đề cương môn học

STT	Tên môn	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết	Mô tả nội dung môn học
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin (THEORIES OF MAC-LENIN)	5	không	<p>Môn học bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của nó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phép biện chứng duy vật và Chủ nghĩa duy vật lịch sử - KTCT Mác – Lênin bao gồm: Học thuyết giá trị; Học thuyết giá trị thặng dư và Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước. - CNXH khoa học bao gồm: Sứ mệnh của giai cấp công nhân và tiến trình cách mạng XHCN và Các quy luật kinh tế, chính trị, xã hội của CNXH
2	Đường lối cách mạng của ĐVN	3	không	<p>Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam là hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam. Đường lối cách mạng được thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết của Đảng.</p> <p>Đường lối cách mạng của Đảng toàn diện và phong phú. Có đường lối chính trị chung, xuyên suốt cả quá trình cách mạng, cùng có đường lối cho từng thời kỳ lịch sử.</p> <p>Đường lối đúng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng, quyết định vị trí, uy tín của Đảng đối với quốc gia dân tộc.</p> <p>Việc nghiên cứu đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam góp phần làm sáng tỏ vai trò nên tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.</p>

3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	không	Tư tưởng Hồ Chí Minh là một môn học trong hệ thống các môn lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin. tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh được ví như “chủ nghĩa Mác- Lê nin của Việt Nam”. Bởi thực chất Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lê nin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong gần 80 năm qua và hiện nay cùng với chủ nghĩa Mác- Lê nin tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và dân tộc ta trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh. Vì vậy đây là một môn học vô cùng quan trọng mà mọi sinh viên, mỗi công dân Việt Nam yêu nước cần quan tâm học tập, nghiên cứu và vận dụng nó vào cuộc sống.
4	Tâm lý học (FUNDAMENTAL PSYCHOLOGY)	2	Triết học	Thông qua môn học sinh viên có khả năng nắm được những đặc điểm đặc trưng, cơ chế nảy sinh, hình thành và biểu hiện cụ thể của các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người qua đó biết vận dụng những hiểu biết về tâm lý vào trong giao tiếp ứng xử và trong cuộc sống lao động, học tập.
5	Nhập môn khoa học giao tiếp (INTRODUCTION TO SCIENCE COMMUNICATION)	2	không	Môn học bao gồm 9 chương. Qua đó giới thiệu cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về giao tiếp, truyền thông; thế nào là hành vi, nguồn gốc của hành vi. Đồng thời sinh viên nhận thức nhu cầu là động lực giúp con người hành động và tự đánh giá mình. Sinh viên nhận thức được về các yếu tố của truyền thông không lời và truyền thông có lời từ đó biết cách cải tiến truyền thông có lời hiệu quả để tăng cường và phát triển mối quan hệ...
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học (RESEARCH	2	Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất	Môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính:

	METHODOLOGY)			<p> nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.</p>
7	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork)	2	Quản trị học, Marketing căn bản	<p>Kỹ năng làm việc nhóm là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Muốn có kỹ năng làm việc nhóm tốt, các sinh viên phải hiểu rõ các lý thuyết cơ bản và bản chất quá trình nhóm làm việc, đồng thời các sinh viên phải vận dụng, phải quan sát và trải nghiệm thực tế để tự rút ra các bài học. Sinh viên sẽ có thể áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm vào quá trình học tập; thành lập, xây dựng nhóm, phân công công việc hợp lý; xây dựng được quy tắc làm việc chung trong nhóm; biết cách áp dụng các nguyên tắc và các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm; thực hành được một số kỹ năng làm việc nhóm như: kỹ năng trình bày, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp, kỹ năng lãnh đạo; và duy trì được tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả.</p> <p>Môn học này phục vụ cho rất nhiều đối tượng: làm việc trong kinh doanh, hành chính, trong nhóm công tác xã hội, làm việc với cộng đồng,... Đặc biệt đối với sinh viên, kỹ năng làm việc nhóm sẽ giúp các bạn hòa nhập nhanh chóng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và thăng tiến sự nghiệp.</p>

8	Xã hội học (SOCIOLOGY)	2	không	Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).
9	Văn hóa học (CULTURISM)	2	không	Trang bị cho sinh viên các kiến thức, phương pháp học tập, nghiên cứu sau: - Phương pháp, đối tượng nghiên cứu văn hoá học. - Khái niệm văn hoá, văn minh, các trào lưu, trường phái văn hoá học. - Phương pháp ứng dụng văn hoá học trong kinh tế, du lịch. - Chủ trương, chính sách văn hoá, văn hoá học trong bối cảnh mới.
10	Địa chính trị thế giới (POLITIC POLICIES IN THE WORLD)	2	không	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, trên cơ sở đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.
11	Quan hệ quốc tế (INTERNATIONAL RELATIONS)	2	không	Môn học sẽ nghiên cứu về các chủ thể trong quan hệ quốc tế, quyền lực trong quan hệ quốc tế, Hệ thống quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Hợp tác và hội nhập trong quan hệ quốc tế

12	Kinh tế vi mô 1 (MICROECONOMICS)	3	Toán cao cấp	Bao gồm những nội dung cơ bản của kinh tế vi mô: Cung cầu thị trường, cân bằng cung cầu, hành vi người tiêu dùng, doanh nghiệp và sản xuất, lý thuyết chi phí, thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, độc quyền nhóm, cạnh tranh độc quyền, thị trường yếu tố sản xuất....
13	Kinh tế vĩ mô 1 (MACROECONOMICS)	3	Toán cao cấp, Kinh tế học vi mô	Môn học gồm 9 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản phân tích tương tác giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản. Gồm các nội dung cơ bản sau: - Tính sản lượng quốc gia và thu nhập quốc dân - Xác định tổng cung, tổng cầu, chính sách tài khoá - Thị trường tiền tệ và chính sách tiền tệ - Lạm phát và thất nghiệp - Nền kinh tế mở - Tăng trưởng và phát triển kinh tế
14	Quản trị học căn bản (MANAGEMENT THEORIES)	3	không	Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức và tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức và nguồn thông tin; thông tin trong tổ chức và quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định. Bốn chức năng quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
15	Nguyên lý kế toán (PRINCIPLES OF ACCOUNTING)	3	không	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kế toán như vai trò, chức năng, nhiệm vụ, ... của kế toán; Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên nắm chắc nội dung các phương pháp và nguyên tắc kế toán tạo tiền đề giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu các

				môn kế toán ngành.
16	Nguyên lý thị trường tài chính (ECONOMICS OF MONEY AND FINANCIAL MARKETS)	3	Kinh tế học căn bản	Gồm những kiến thức liên quan đến công cụ, kỹ năng, phương pháp tư duy kinh tế ở một số nguyên lý kinh tế cơ bản như: cấu trúc và tổ chức của thị trường tài chính trong và ngoài nước; giải thích phạm trù tài chính, vai trò ngân sách nhà nước; một cách tiếp cận đơn giản với vấn đề lựa chọn tài sản đầu tư (lý thuyết lượng cầu tài sản); khái niệm về sự cân bằng, phân tích cung cầu; phân tích biến động và cấu trúc rủi ro của lãi suất; hoạt động trên thị trường ngoại hối; chênh lệch thông tin (lựa chọn nghịch và rủi ro đạo đức).....
17	Marketing căn bản (PRINCIPLES OF MARKETING)	3	không	Môn học Marketing căn bản tập trung giảng dạy các lý thuyết cơ bản về phân tích môi trường marketing, khách hàng, ngành và đối thủ cạnh tranh; phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; và một số vấn đề liên quan đến sản phẩm, định giá, phân phối bán hàng và chiêu thị và Thương hiệu.
18	Hệ thống thông tin kinh doanh (Business Information System)	2	không	Môn học gồm 2 phần: Phần I: Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày các quy trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực hành trên Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay trên toàn thế giới là SAP ERP với gói Dataset GBI phiên bản 2.1 2011 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương trình SAP UAP – University Alliances Program, trong

				<p>đó trường đại học Kinh tế - Luật là một thành viên).</p> <p>Phần II: Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các qui trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các qui trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa các qui trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thống nhất.</p>
19	Kinh tế quốc tế (International Economics)	2	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô	Môn học gồm 7 chương, xem phần nội dung chi tiết môn học.
20	Toán cao cấp (Higher Mathematics)	5	không	<p>Phần đầu của môn học trang bị các kiến thức nhập môn về đại số tuyến tính (ĐSTT) và một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT trong kinh tế, đặc biệt là quan hệ tuyến tính (QHTT).</p> <p>Phần 2 trang bị kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế. Nội dung bao gồm: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; không gian R^n; giá trị riêng, vector riêng của ma trận; dạng toàn phương; một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT và QHTT trong kinh tế; bài toán QHTT và phương pháp đơn hình, bài toán QHTT đối ngẫu. Hàm nhiều biến, sơ lược về giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến, đạo hàm riêng và vi phân, cực trị địa phương và cực trị toàn cục của hàm hai biến; sơ lược về tích phân kép và phương trình vi phân cấp 1, cấp 2; ứng dụng của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.</p>
21	Lý thuyết xác suất (PROBABILITY AND STATISTICS)	2	Toán cao cấp	Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản và cốt lõi của lý thuyết xác suất nhằm giúp sinh viên hiểu được các hiện tượng ngẫu nhiên - đối tượng nghiên cứu cơ bản của xác suất; hiểu và biết tính khả năng xảy ra (xác

				suất) của các biến cố ngẫu nhiên và biết áp dụng một cách thích hợp trong thực tiễn. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên một số quy luật phân phối xác suất cơ bản thông dụng làm nền tảng cho các môn Thống kê ứng dụng và Kinh tế lượng.
22	Tin học ứng dụng (Applying Informations)	3	không	Môn học gồm 5 phần : <ul style="list-style-type: none"> - Phần một đề cập đến một số kiến thức đại cương về tin học - Phần hai cung cấp kiến thức cơ bản về mạng, Internet và phương pháp tìm kiếm thông tin hiệu quả trên Internet (Google). - Phần ba cung cấp kiến thức về những tính năng mở rộng của các phần mềm trong bộ Office: PowerPoint, Word, Excel để thực hiện trình bày báo cáo - Phần bốn trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản quản lý dữ liệu trên máy tính và tìm hiểu phần mềm bảng tính excel và quản lý CSDL Access - Phần năm: sinh viên tìm hiểu về hệ thống thông tin cách thức triển khai hệ thống thông tin hiện nay
23	Logic học (LOGIC)	3	không	Môn học này được biên soạn dựa vào chương trình giáo dục đại học Đại cương do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1995, mã số 051 (TR) 201 Nhập môn Logic học Chương trình giảng dạy trên lớp là 45 tiết (tương đương 3 đơn vị học trình). Môn học giới thiệu 6 chương: đại cương về logic, Những quy luật cơ bản của tư duy, Khái niệm, Phán đoán, Suy luận, Chứng minh, bác bỏ ngụy biện và những bài tập ứng dụng nhằm cung cấp 1 số kiến thức logic căn bản như là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc, biết phát hiện đúng sai, tráo trở, ngụy biện trong lập luận của

				người khác.
24	Lý luận nhà nước và pháp luật (FUNDAMENTALS OF LEGISLATION)	3	không	Nội dung môn học bao gồm 7 chương về các vấn đề của pháp luật và hệ thống luật Việt Nam
25	Luật doanh nghiệp (Corporation law)	3	không	Những nội dung cơ bản về doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về loại hình doanh nghiệp, mô tả cơ bản quy chế pháp lý về từng loại hình doanh nghiệp; Trong từng nội dung cụ thể, nội dung của môn học sẽ giúp người học tiếp cận từng vấn đề cụ thể trong việc tổ chức quản trị doanh nghiệp, quy định về quy chế tài chính của doanh nghiệp và quan hệ pháp lý giữa chủ sở hữu với doanh nghiệp, các thành viên công ty với nhau; Nội dung môn học còn giúp người học nắm rõ quy chế pháp lý về tổ chức lại doanh nghiệp như chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và chuyển đổi các loại hình doanh nghiệp.
26	Kỹ thuật lập trình (Programming Techniques)	3	Tin học cơ sở	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về kỹ năng lập trình ứng dụng với C# trên nền tảng Windows Form và kiến thức về lập trình hướng đối tượng
27	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (data structure and algorithm)	3	Tin học cơ sở, Kỹ thuật lập trình	Tìm hiểu cách thức xây dựng cấu trúc cho bài toán lập trình tìm hiểu về mảng, list, heap, cây ... và cách thức thao tác trên các cấu trúc dữ liệu trên. Đồng thời tìm hiểu các xử lý thuật toán trong tìm kiếm và sắp xếp. Đánh giá và phân tích tốc độ các thuật toán.
28	Cơ sở dữ liệu (DATABASE)	3	không	Môn học gồm 4 phần: - Phần một: Giới thiệu, thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ: giúp cho sinh viên nắm được như thế nào là lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ, vai trò của cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin, từ khảo sát hiện trạng, phân tích được các yêu cầu, đưa ra các thiết kế luận lý. - Phần hai: Ngôn ngữ truy vấn dữ liệu có cấu trúc – SQL: cung cấp các cú pháp, phép toán,

				<p>hàm và dạng truy vấn khai thác thông tin.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần ba: Chuẩn hóa CSDL, giới thiệu các dạng chuẩn, đưa ra các giải pháp đề tối ưu hóa cơ sở dữ liệu. - Phần bốn: Viết phần mềm khai thác CSDL trên C# theo mô hình 3 lớp.
29	Kế toán tài chính (Financial Accounting)	3	Nguyên lý kế toán	<p>Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, các nghiệp vụ và phương pháp, trình tự hạch toán kế toán của một số phần hành kế toán (kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản nợ phải thu – các khoản ứng trước, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán lương và các khoản trích theo lương, kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm).</p>
30	Tin học cơ sở (INTRODUCTION TO COMPUTER AND PROGRAMMING)	2	không	<p>Một số kiến thức nền về dữ liệu, thông tin, xử lý thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành.</p> <p>Trình bày cách sử dụng các phần mềm văn phòng và truy cập Internet. các kiến thức sơ đẳng về ngôn ngữ lập Trình làm nền cho các môn học lập Trình và tin học quản lý trong các học kỳ sau.</p>
31	Giới thiệu ngành HTTTQL (Introduction to Management Information Systems Course)	2	không	<p>Môn học gồm 3 phần:</p> <p>Phần một: Giới thiệu cơ bản về ngành Hệ thống thông tin quản lý, các khái niệm cơ bản về tổ chức, doanh nghiệp, quy trình nghiệp vụ, quản trị, ...</p> <p>Phần hai: Giới thiệu về chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý, cấu trúc các chuỗi môn học.</p> <p>Phần ba: Tham quan và tiếp xúc doanh nghiệp, cực sinh viên, thực hiện các tiểu luận, trình bày, thảo luận nhóm về các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin quản trị doanh nghiệp, các giải pháp hệ thống thông tin quản lý đang được áp dụng tại các doanh nghiệp hiện nay, các định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý.</p>

32	TOÁN RỜI RẠC (Toán cho tin học) - Discrete Maths	3	Toán cao cấp	<p>Môn học gồm 2 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Toán rời rạc: các kiến thức cơ bản về logic, lý thuyết tập hợp, phép đếm và hệ thức đệ quy. - Phần 2: Lý thuyết đồ thị: tìm hiểu và xử lý các bài toán về chu trình và bài toán tìm con đường ngắn nhất dựa trên các kiến thức của lý thuyết đồ thị. - Phần phụ lục: Logic lập trình
33	Mạng máy tính (Computer Networks)	3	không	Môn học gồm 3 phần: lý thuyết về mạng, lý thuyết về bảo mật, lập trình mạng cơ bản
34	Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)	3	không	<p>Môn học gồm 4 phần:</p> <p>Phần một: giới thiệu các kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin, các thành phần của một hệ thống thông tin.</p> <p>Phần hai: cung cấp các kiến thức về các loại hệ thống thông tin theo các khía cạnh quản lý và chức năng; các hệ thống thông tin trong thực tế hiện nay như ERP, SCM, CRM.</p> <p>Phần ba: trang bị kiến thức về quy trình xây dựng và phát triển hệ thống thông tin.</p> <p>Phần bốn: giới thiệu kiến thức để quản lý, bảo mật và kiểm soát hệ thống thông tin.</p>
35	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu (Database Management System)	3	Cơ sở dữ liệu	<p>Môn học gồm 2 phần:</p> <p>Phần một: Môn học giới thiệu về cơ bản SQL sử dụng kỹ thuật CSDL Oracle 11g. Môn học giới thiệu các khái niệm CSDL quan hệ và ngôn ngữ lập trình SQL. Môn học cung cấp các kỹ năng SQL cần thiết cho phép các nhà phát triển phần mềm viết các vấn tin lấy dữ liệu từ một hoặc nhiều bảng dữ liệu, thao tác dữ liệu trong các bảng dữ liệu. Tìm hiểu các đối tượng trong lược đồ CSDL. Tạo các tập tin chỉ mục, các ràng buộc. Tạo và vấn tin các bảng dữ liệu ngoài, chuyển đổi dữ liệu trong ứng dụng nhà kho dữ liệu.</p> <p>Phần hai: tìm hiểu tóm tắt các thành phần kiến trúc của CSDL, quyền hệ thống và quyền đối tượng trong CSDL. Sử dụng công</p>

				cụ Enterprise Manager (EM) tạo user, gán quyền, tạo các vùng lưu trữ dữ liệu. Môn học sử dụng công cụ chính là Oracle SQL Developer và sử dụng SQL*Plus là công cụ tùy chọn.
36	Thiết kế và lập trình web kinh doanh (Business website designing and programming)	3	Tin học đại cương, Kỹ thuật lập trình, Mạng máy tính	Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm căn bản của quá trình thiết kế, xây dựng và triển khai một ứng dụng web trong kinh doanh, kiến thức cơ bản về lập trình web phía máy khách (client) gồm HTML, CSS, lập trình JavaScript.
37	Phân tích và thiết kế HTTT (Analysis and Design of Management Information System)	3	Tin học cơ bản, cơ sở dữ liệu, Kỹ thuật lập trình	Môn học gồm 4 phần: - Phần một: giới thiệu & ôn lại các kiến thức về hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin quản lý nói riêng; trình bày các giai đoạn & các phương pháp được ứng dụng tại mỗi giai đoạn của quá trình phân tích & thiết kế, ưu khuyết điểm của các phương pháp; thực trạng ứng dụng và triển khai hệ thống thông tin quản lý tại nước ta hiện nay, các thuận lợi, khó khăn cũng như xu hướng phát triển, các vị trí công việc có liên quan. - Phần hai: trình bày cụ thể từng giai đoạn như khảo sát hiện trạng, phân tích yêu cầu, thiết kế các thành phần, đề xuất các giải pháp xây dựng, ...
38	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 1 (INTEGRATED BUSINESS PROCESSES WITH ERP SYSTEMS)	3	Hệ thống thông tin kinh doanh	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin doanh nghiệp – ERP system. Trong đó, môn học trình bày các khái niệm liên quan đến tổ chức, quy trình nghiệp vụ kinh doanh trong tổ chức và sự hỗ trợ của hệ thống thông tin doanh nghiệp trong quá trình tin học hóa hoạt động kinh doanh.

39	Khai phá dữ liệu & Nhà kho dữ liệu (Data-mining & Data-warehouse)	3	Cơ sở dữ liệu	<p>Môn học gồm 3 phần :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và phương pháp xây dựng nhà kho dữ liệu. - Khái niệm về khai phá dữ liệu. Một số thuật toán khai phá dữ liệu, ứng dụng trong khai thác thông tin kinh tế. - Một số mô hình áp dụng trong kinh tế.
40	Quản lý dự án Hệ thống thông tin (Information system project management)	3	Kỹ thuật lập trình, Phân tích & Thiết kế Hệ thống thông tin quản lý	<p>Môn học này cung cấp các kiến thức căn bản về quản lý dự án hệ thống thông tin bao gồm các tiến trình được thực hiện trong dự án và mô hình triển khai dự án phần mềm. Ứng với mỗi tiến trình, sinh viên sẽ được tìm hiểu chi tiết về các công việc quản lý sẽ được thực hiện cũng như nắm rõ đầu vào và đầu ra của mỗi tiến trình.</p>
41	An toàn và Bảo mật Hệ thống thông tin quản lý (Safety and Security Information system)	3	Phân tích và Thiết kế Hệ thống thông tin, Mạng máy tính	<p>Môn học gồm các phần :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát về bảo mật hệ thống thông tin, các mối đe dọa đối với hệ thống thông tin. - Tìm hiểu một số phương pháp bảo mật hệ thống, mã hoá thông tin. - Tìm hiểu việc một số biện pháp bảo mật cơ sở dữ liệu như phân quyền, kiểm soát truy cập cơ sở dữ liệu. - Tìm hiểu bảo mật trong các ứng dụng hiện đại (TMĐT, ứng dụng với thiết bị di động)
42	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh (Data Analysis in Business and Management)	3	Cơ sở dữ liệu, khai phá dữ liệu, ERP	<p>Môn học gồm 6 phần:</p> <p>Phần một: giới thiệu các kiến thức tổng quan về phân tích dữ liệu trong kinh doanh, kho dữ liệu, kiến trúc và mô hình kho dữ liệu, kiến trúc hệ hỗ trợ ra quyết định trong doanh nghiệp, giải pháp BI.</p> <p>Phần hai: cung cấp các kiến thức về mô hình dữ liệu đa chiều, các kỹ thuật OLAP trong phân tích dữ liệu.</p> <p>Phần ba: trang bị kiến thức về quy trình phân tích và thiết kế kho dữ liệu trong doanh nghiệp hỗ trợ phân tích dữ liệu.</p>

				<p>Phần bốn: giới thiệu kiến thức để tích hợp dữ liệu nguồn vào kho dữ liệu, quản lý và khai thác kho dữ liệu.</p> <p>Phần năm: giới thiệu kiến thức về chỉ số đo lường hiệu quả kinh doanh – KPI, áp dụng vào để phân tích và dự báo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>Phần sáu: giới thiệu các công cụ phân tích dữ liệu hỗ trợ ra quyết định và thực hiện các báo cáo, báo biểu đa chiều trên các công cụ.</p>
43	Thương mại điện tử (E-COMMERCE)	3	Quản trị học căn bản	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về TMĐT cũng như các vấn đề cần nắm bắt liên quan đến phát triển hệ thống TMĐT, xây dựng dự án kinh doanh thương mại điện tử.
44	Tích hợp qui trình kinh doanh với các hệ thống ERP P2 (Integrated Business processes with ERP Systems P2)	3	Tích hợp qui trình kinh doanh với các hệ thống ERP P1	Trình bày chi tiết về các qui trình nghiệp vụ chủ chốt trong doanh nghiệp như qui trình Quản trị vật tư, qui trình Sản xuất và Lập kế hoạch, vai trò của Kế toán quản trị, Quản lý kho, Quản lý nhân sự. Các nội dung được trình bày ở mỗi qui trình gồm : Các khái niệm và thuật ngữ cơ bản, Hệ thống thông tin và các dữ liệu chủ chốt (Master data), các giai đoạn nghiệp vụ và tính liên kết của các giai đoạn, tương tác giữa qui trình này với các qui trình khác, các bài tập thực hành theo case study trên Hệ thống SAP ERP
45	Kế toán tin học	3	Nguyên lý kế toán, Kế toán quản trị	<p>Phần 1: Tổng quan về Access 2007</p> <p>Trong phần này hướng dẫn sinh viên làm quen với Access 2007 và các công cụ để tạo giao diện nhập liệu cũng như thao tác làm việc với CSDL dựa trên các công cụ có sẵn của Access 2007</p> <p>Phần 2: Sổ sách và báo cáo kế toán</p>

				Hướng dẫn sinh viên thiết kế nhập liệu và kết xuất các báo cáo kế toán và từng bước hoàn thành các sổ sách kế toán dựa trên phần mềm Kế toán tổng hợp bằng Access 2007
46	Thiết kế và lập trình Web nâng cao (Advanced website designing and programming)	3	Thiết kế và lập trình WEB kinh doanh	Môn học gồm 6 phần : Phần 1: tổng quan về phát triển ứng dụng web bằng ASP.NET, xây dựng Web Forms sử dụng các Web Controls cơ bản Phần 2: xây dựng Web Forms với các Web Controls nâng cao như: Validation, Rich Controls, User Controls, Themes, Master Pages, Website Navigation, ... Phần 3: thao tác và xử lý dữ liệu với công nghệ ADO. NET và các điều khiển như: Data Binding, các Data Controls, làm việc với dữ liệu XML Phần 4: an toàn và bảo mật website Phần 5: tìm hiểu và sử dụng một số công nghệ nâng cao trong ASP. NET như LINQ, AJAX Phần 6: triển khai ứng dụng web ASP. NET
47	Lý thuyết Kiểm toán (Theory of Auditing)	3	Kế toán tài chính	Nội dung chính của môn học bao gồm những nguyên lý cơ bản về bản chất, đối tượng, phương pháp và tổ chức kiểm toán của hoạt động kiểm toán, đặc biệt là kiểm toán độc lập.
48	Lập trình Cơ sở dữ liệu (Database Programming)	3	Hiểu biết về kiến thức kỹ thuật lập trình, nhập môn cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu.	Môn học gồm 2 phần : Phần một đề cập kỹ thuật kết nối và lập trình cơ sở dữ liệu Phần hai : Tổ chức cho sinh viên thảo luận và làm báo cáo Seminar
49	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information Systems)	3	Kế toán đại cương, Kế toán tài chính	Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, giúp sinh viên hệ thống hóa các môn học trong ngành quản trị doanh nghiệp, từ đó tổ chức hệ thống thông tin kế toán nhằm kiểm soát tài sản cũng như cung cấp kịp thời các thông tin hữu ích cho

			<p>nhà quản trị trong và ngoài doanh nghiệp khi ra quyết định kinh doanh.</p> <p>Môn học được bắt đầu từ giới thiệu hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, kể đến sẽ mô tả các quy trình kinh doanh chính và mục tiêu kiểm soát trong từng quy trình, và cuối cùng là các tiêu chí, cơ sở để lựa chọn, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp.</p> <p>Thông qua lý thuyết được trình bày trên lớp, kết hợp với các tài liệu tham khảo được hướng dẫn, sinh viên sẽ tiến hành xây dựng một hoặc vài quy trình kinh doanh cụ thể tại một đơn vị kinh doanh. Các quy trình này phải phù hợp với quy mô, yêu cầu quản lý và mang tính khả thi</p>
50	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở (Developing open source applications)	3	<p>Nội dung môn học được chia thành 6 chương.</p> <p>Chương 1 Khái niệm mã nguồn mở lịch sử phát triển và giới thiệu về giấy phép phần mềm, do khi chọn một phần mềm dùng ta cần phải hiểu giấy phép của phần mềm đó, đó là 1 công việc quan trọng giúp cho bạn không vi phạm bản quyền và giúp cho bản khai thác sản phẩm đó được tốt nhất, chương này nói về vấn đề đó. Chương 2 Cộng đồng nguồn mở tìm hiểu về một số cộng đồng nguồn mở giúp mình thực hiện công việc phát triển ứng dụng của mình nhanh hơn và ko phải bỏ thời gian để làm một cái đã được chia sẻ.</p> <p>Chương 3 Xây dựng phần mềm mã nguồn</p>

				<p>mở Lập trình mã nguồn mở với Java, lập trình Web với PHP và làm việc mới hệ quản trị cơ sở dữ liệu với MySQL</p> <p>Chương 4 Khai thác phần mềm mã nguồn mở. Giới thiệu các hệ điều hành nguồn mở, phần mềm dịch vụ cho máy chủ Linux , phần mềm ứng dụng nguồn mở trên Linux</p> <p>Chương 5 Một số phương pháp cài đặt mã nguồn mở, do tính mở của sản phẩm nên đôi khi nó chưa chuẩn bị thật tốt cho người sử dụng nên đòi hỏi người dùng cần phải có một số kỹ năng nhất định mới có thể cài đặt và sử dụng được, chương này sẽ trình bày những kỹ năng đó.</p>
--	--	--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

11. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

11.1 Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Hồng Nga	1968	PGS	TS	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
2	Nguyễn Văn Luân	1951	PGS - 2002	TS - 1989	Kinh tế chính trị	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
3	Hà Thanh Minh	1962		ThS - 1994	Kinh tế	Đường lối cách mạng của ĐVN
4	Nguyễn Thị Thu Trang	1981		ThS - 2009	Luật kinh tế	Pháp luật đại cương
5	Đào Thị Thu Hằng	1977		ThS - 2006	Luật kinh tế	Luật doanh nghiệp
6	Lê Anh Vũ	1958	PGS - 2006	TS - 1990	Hình học – Tô pô	Toán cao cấp

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
7	Phạm Hoàng Uyên	1976		TS - 2010	Toán (XSTK)	Lý thuyết xác suất
8	Nguyễn Thị Lan Anh	1969		TS - 2014	Tài chính	Nguyên lý kế toán
9	Phan Đức Dũng		PGS	TS - 2001	Kế toán	Kế toán tài chính
10	La Xuân Đào	1959	GVC	TS - 2012	Kinh tế	Lý thuyết kiểm toán
11	Hoàng Thọ Phú	1971		ThS - 1996	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý thị trường tài chính
12	Đỗ Đức Khả	1965	GVC - 2006	ThS -	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản
13	Phạm Thế Tri	1953		TS - 2002	Kinh tế, quản lý và kế hoạch hóa kinh tế quốc dân	Marketing căn bản
14	Trần Thị Ánh	1986		ThS - 2015	Hệ thống thông tin quản lý	Thiết kế & Lập trình Web kinh doanh Thiết kế & Lập trình Web nâng cao
15	Phạm Mạnh Cường	1986		ThS - 2011	Hệ thống thông tin quản lý	Thương mại điện tử Đồ án ngành
16	Trương Hoài Phan	1976		ThS - 2002	Tin học	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở Cấu trúc dữ liệu

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
17	Hồ Trung Thành	1975		ThS - 2009	Khoa học máy tính	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh Hệ thống thông tin quản lý
18	Nguyễn Duy Nhất	1980		ThS - 2006	Tin học	Toán cho tin học Giới thiệu ngành
19	Ngô Cao Định	1982		ThS - 2008	Tin học	Tin học cơ sở Quản lý dự án hệ thống thông tin
20	Lê Hoàn Sử	1978		TS - 2018		Thương mại điện tử Marketing điện tử
21	Trần Quang Thân	1966		ThS - 2015	Quản trị kinh doanh	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Cơ sở dữ liệu
22	Triệu Việt Cường	1982		ThS - 2008	Quản trị kinh doanh	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin Giới thiệu ngành
23	Vũ Thúy Hằng	1988		ThS – 2013	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin kinh doanh Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
24	Lê Hải Nam	1982		ThS - 2007	Khoa học máy tính	Mạng máy tính Tin học ứng dụng
25	Lê Thị Kim Hiền	1990		ThS – 2015	Hệ thống thông tin quản lý	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP P2 Hệ thống thông tin kế toán
26	Nguyễn Anh Tuấn	1982		TS - 2011	Thương mại điện tử	Hệ thống thông tin doanh nghiệp Thương mại điện tử
27	Phan Công Chính	1976		TS		Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP Hệ thống thông tin doanh nghiệp
28	Lê Quốc Hiếu	1976		TS - 2014	Quản trị Kinh doanh	Thương mại điện tử Hệ thống thông tin kế toán
29	Vũ Văn Điệp	1970		ThS - 2015	Quản trị kinh doanh	Kế toán tin học Hệ thống thông tin kế toán

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
30	Nguyễn Thôn Dã	1980		ThS - 2013	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin kinh doanh Tin học ứng dụng Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
31	Nguyễn Quang Hưng	1981		ThS - 2016	Thương mại điện tử	Hệ thống thông tin kinh doanh An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin Chuyên đề khởi nghiệp Quản trị quan hệ khách hàng điện tử
32	Trần Duy Thanh	1983		ThS - 2015	Thương mại điện tử	Kỹ thuật lập trình Tin học cơ sở Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Lập trình web kinh doanh Lập trình web nâng cao Lập trình di động

11.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1	Lê Tuyết Ánh	GVC.ThS			- Tâm lý học - Nhập môn khoa học giao tiếp	ĐH Khoa học XH & NV
2	Đào Minh Hồng	TS			Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV
3	Chu Duy Ly	ThS			Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV
4	Trần Nam Tiến	PGS.TS			Địa chính trị thế giới	ĐH Khoa học XH & NV
5	Phạm Đình Nghiệm	PGS.TS			- Logic học	ĐH Sài Gòn
6	Nguyễn Anh Thường	TS			- Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐH Khoa học XH & NV
7	Nguyễn Ngọc Thơ	TS			Văn hóa học	ĐH Khoa học XH & NV
8	Lê Thị Ngọc Diệp	TS				ĐH Khoa học XH & NV
9	Phạm Khánh Bằng	GVC.Ths			- Đường lối CM ĐCSVN	Học viện hành chính khu vực II
10	Đinh Thị Điều	GVC.Ths			- Tư tưởng HCM	Học viện hành chính khu vực II

11	Nguyễn Thị Hoa Phượng	GVC.Ths				Học viện hành chính khu vực II
----	-----------------------	---------	--	--	--	--------------------------------

12. Danh sách cố vấn học tập

STT	Cố vấn học tập
1	TS. Hồ Trung Thành
2	ThS. Trương Hoài Phan
3	ThS. Nguyễn Duy Nhất (NCS)
4	ThS. Nguyễn Quang Hưng
5	TS. Lê Hoàn Sĩ
6	ThS. Trần Thị Ánh
7	ThS. Vũ Thúy Hằng
8	ThS. Trần Duy Thanh

13. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

13.1 Phòng học: Tại cơ sở nhà điều hành và học tập của Trường đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG TP.HCM tại Khu phố 3 - Phường Linh Xuân - Quận Thủ Đức

13.2 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính/thực hành

TT	TÊN PTN	ĐỊA ĐIỂM	ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN	GHI CHÚ
1	Phòng Lab Business Intelligence	KP3, P. Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
2	Phòng máy 1	KP3, P. Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
3	Phòng máy 2	KP3, P. Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
4	Phòng máy 3	KP3, P. Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
5	Phòng máy 4	KP3, P. Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	

13.3 Hội trường: Trường đại học Kinh tế-Luật có 1 hội trường với tổng diện tích 923 m² được trang bị hiện đại, sử dụng cho hoạt động công tác của Trường và các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào của sinh viên.

13.4 Thư viện:

❖ Thư viện của Trường Đại học Kinh tế-Luật: được trang bị máy tính kết nối internet

1	Diện tích	m ²	395
2	Số đầu sách	Quyển	926
3	Số đầu sách về Kinh doanh quốc tế	Quyển	168

❖ Thư viện Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh: Thư viện trung tâm ĐHQG TP. HCM với diện tích khoảng 9.000m² được trang bị đầy đủ các tài liệu, giáo trình, sách nghiên cứu, báo và các tạp chí, thư viện điện tử, ... phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của toàn bộ sinh viên, giảng viên thuộc các trường thành viên ĐHQG TP. HCM.

13.5 Giáo trình, tập bài giảng của ngành đào tạo

STT	MÔN HỌC	TÊN GIÁO TRÌNH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XB
1	Tin học cơ sở	Microsoft Visual C# 2008: An Introduce to Object Oriented Programming	Joyce Farrell	Cengage Learning	2009
2	Kỹ thuật lập trình	Cơ sở lập trình	Ngô Cao Định Phạm Công Thành Nguyễn Thôn Dã	ĐHQG TP.HCM	2015
3	Toán cho tin học	Toán rời rạc	Nguyễn Duy Nhất, Nguyễn Văn Phong, Đinh Ngọc Thanh	ĐHQG TP.HCM	2010
4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Cấu trúc dữ liệu minh họa bằng C#	Trương Hoài Phan Hồ Trung Thành	ĐHQG TP.HCM	2009
5	Tin học	Tin học ứng dụng	Trương Hoài Phan, Ngô Cao Định,	NXB ĐHQG	2015

STT	MÔN HỌC	TÊN GIÁO TRÌNH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XB
	ứng dụng		Phạm Công Thành, Lê Hải Nam, Vũ Thúy Hằng, Vũ Văn Điệp	TP.HCM	
6	Hệ thống thông tin kinh doanh	Essentials of Business Processes and Information Systems	Simha R. Magal Jeffrey Word	WILEY	2011
7	Cơ sở dữ liệu	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Nguyễn Duy Nhất	ĐHQG TP.HCM	2015
8	Mạng máy tính	Giáo Trình Hệ Thống Mạng Máy Tính CCNA Semester 1	Nguyễn Hồng Sơn	Lao động - Xã hội	2007
9	Hệ thống thông tin quản lý	Management Information System: Managing the firm, 12th Ed.	Jane P. Laudon, Kenneth C. Laudon	Prentice Hall	2012
10	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	MODERN DATABASE MANAGEMENT 10th	Jeffrey A. Hoffer	Prentice Hall	2010
11	Thiết kế & Lập trình Web Kinh doanh	Thiết kế và Lập trình Web bằng ASP	Lê Đình Duy	ĐHQG TP.HCM	2009
12	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý	“Systems Analysis and Design”, 9th Edition,	K. Kendall & J. Kendall	Prentice Hall, Pearson Education	2014
13	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP	Integrated Business processes with ERP System	Simha R. Magal Jeffrey Word	WILEY	2011
14	Khai phá dữ liệu & Nhà kho dữ liệu	Khai phá dữ liệu trong kinh doanh	Nguyễn Duy Nhất Hồ Trung Thành	ĐHQG TP.HCM	2015
15	Quản trị	A Guide to The Project	Project	Project	2013

STT	MÔN HỌC	TÊN GIÁO TRÌNH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XB
	dự án hệ thống thông tin	Management Body of Knowledge	Management Institute	Management Institute	
16	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Fundamentals Of Information Systems Security, 3 edition	David Kim, Michael G. Solomon	Jones & Bartlett Learning	2016
17	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	Professional SQL Server Integration Services	Brian Knight	A John Wiley & Sons Inc	2012
18	Thương mại điện tử	Thương mại điện tử	Hồ Trung Thành Lê Hoành Sử	ĐHQG TP.HCM	2014
19	Kế toán tin học	SSP Accounting	Vũ Văn Điệp		2014
20	Thiết kế & Lập trình Web nâng cao	Professional ASP.NET MVC 5	Jon Galloway, Brad Wilson, K. Scott Allen, David Matson	Wrox	2014
21	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2	Integrated Business processes with ERP System	Simha R. Magal Jeffrey Word	WILEY	2011
22	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	The Open Source Perspective	Diomidis Spinesllis	Addison-Wesley Professional;	2003
23	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information Systems ,13th Edition	Marshall Romney, Paul Steinbart	Pearson Education	2015
24	Lập Trình cơ sở dữ liệu	Mastering C# Database Programming	Jason Price	Wiley	2003

STT	MÔN HỌC	TÊN GIÁO TRÌNH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XB
25		Big Data và Ứng dụng trong kinh doanh	TS. Lê Hoàn Sử, ThS. Triệu Việt Cường, ThS. Vũ Thúy Hằng, ThS. Lê Thị Kim Hiền, TS, Hồ Trung Thành	NXB ĐHQG	2017
26	Lập trình di động	Phát triển ứng dụng di động cơ bản	TS. Lê Hoàn Sử, TS. Hồ Trung Thành, ThS. Trần Duy Thanh	NXB ĐHQG	2017
27	Lập trình di động	Phát triển ứng dụng di động nâng cao	TS. Lê Hoàn Sử, TS. Hồ Trung Thành, ThS. Trần Duy Thanh	NXB ĐHQG	2017
28	Mạng máy tính	Mạng máy tính và bảo mật	ThS. Lê Hải Nam	NXB ĐHQG	2017

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình: Chương trình dự kiến áp dụng từ năm học 2017 – 2018

15. Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo:

Chương trình sẽ được cập nhật định kỳ 2 năm 1 lần và có thay đổi lớn định kỳ 4 năm 1 lần. Trong 4 năm, khoa sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp và những nhà chuyên môn để hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu cao nhất cho xã hội.

**TM BCN KHOA
TRƯỞNG KHOA**

HIỆU TRƯỞNG

TS. HỒ TRUNG THÀNH

PGS. TS NGUYỄN TIẾN DŨNG